

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2018

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: 05/7/2018 ..

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết
và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán; quyền hạn, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phát hành và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Kho bạc Nhà nước, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán và các nhà tạo lập thị trường theo quy định tại Nghị định này.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Ngoài những thuật ngữ đã quy định tại Luật Quản lý nợ công, Luật chứng khoán, trong Nghị định này các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. “Nhà tạo lập thị trường” là tổ chức được Bộ Tài chính lựa chọn để thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc phát hành, giao dịch công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước theo quy định tại Nghị định này.
2. “Đấu thầu đơn giá” là phương thức xác định kết quả đấu thầu mà mức lãi suất phát hành là mức lãi suất trúng thầu cao nhất và được áp dụng chung cho các thành viên trúng thầu.
3. “Đấu thầu đa giá” là phương thức xác định kết quả đấu thầu mà mức lãi suất phát hành đối với mỗi thành viên trúng thầu đúng bằng mức lãi suất dự thầu của thành viên đó.
4. “Công cụ nợ chuẩn” là các mã trái phiếu chuẩn được chủ thể tổ chức phát hành lựa chọn và công bố để nhà tạo lập thị trường thực hiện nghĩa vụ chào giá với cam kết chắc chắn.
5. “Trái phiếu quốc tế” là trái phiếu Chính phủ phát hành trên thị trường vốn quốc tế theo quy định tại Nghị định này.
6. “Tổ chức xếp hạng tín nhiệm” là các tổ chức có chức năng đánh giá và xếp hạng tín nhiệm cho quốc gia, doanh nghiệp.

Điều 4. Chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ của Chính phủ

1. Chủ thể tổ chức phát hành công cụ nợ của Chính phủ là Bộ Tài chính.
2. Đối với công cụ nợ của Chính phủ phát hành tại thị trường trong nước, Bộ Tài chính tổ chức phát hành hoặc ủy quyền cho Kho bạc Nhà nước tổ chức phát hành và thực hiện các nghĩa vụ của chủ thể tổ chức phát hành theo quy định tại Nghị định này.

Điều 5. Mục đích phát hành công cụ nợ của Chính phủ

1. Công cụ nợ của Chính phủ được phát hành tại thị trường trong nước cho các mục đích quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 25 Luật Quản lý nợ công.
2. Đối với trái phiếu quốc tế, mục đích phát hành theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Quản lý nợ công.

Điều 6. Đối tượng mua công cụ nợ của Chính phủ

1. Đối tượng mua công cụ nợ của Chính phủ phát hành tại thị trường trong nước:

a) Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được mua công cụ nợ của Chính phủ với khối lượng không hạn chế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

b) Các quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ hưu trí tự nguyện được mua công cụ nợ của Chính phủ thông qua việc ủy thác cho tổ chức quản lý quỹ thực hiện;

c) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được mua công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng mua công cụ nợ của Chính phủ phát hành trên thị trường quốc tế là tổ chức, cá nhân theo quy định của thị trường phát hành.

Điều 7. Quyền lợi, nghĩa vụ của chủ sở hữu công cụ nợ của Chính phủ

1. Quyền lợi của chủ sở hữu công cụ nợ của Chính phủ

a) Được đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi công cụ nợ khi đến hạn thanh toán.

b) Được sử dụng công cụ nợ để chuyển nhượng, cho, tặng, thừa kế, chiết khấu, cầm cố hoặc thực hiện các giao dịch khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ nộp thuế của chủ sở hữu công cụ nợ đối với các khoản thu nhập phát sinh từ công cụ nợ của Chính phủ thực hiện theo quy định của pháp luật thuế.

Điều 8. Thanh toán gốc, lãi công cụ nợ của Chính phủ

1. Chính phủ bảo đảm nguồn thanh toán gốc, lãi công cụ nợ của Chính phủ khi đến hạn theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật Quản lý nợ công.

2. Bộ Tài chính tổ chức thanh toán gốc, lãi công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước cho chủ sở hữu khi đến hạn.

3. Bộ Tài chính chuyển tiền vào tài khoản của đại lý thanh toán để thanh toán gốc, lãi trái phiếu quốc tế cho chủ sở hữu khi đến hạn.

Điều 9. Sử dụng nguồn vốn phát hành công cụ nợ của Chính phủ

1. Toàn bộ số tiền thu được từ phát hành công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước được tập trung vào ngân sách trung ương theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Toàn bộ số tiền thu từ phát hành trái phiếu quốc tế được sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Quản lý nợ công và mục đích phát hành trái phiếu quốc tế được Chính phủ phê duyệt quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định này.

Điều 10. Chi phí phát hành, đăng ký, lưu ký, thanh toán, mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ

1. Các khoản chi phí phát sinh trong quá trình phát hành, đăng ký, lưu ký, thanh toán, mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ và các chi phí liên quan khác do ngân sách trung ương chi trả.

2. Chi phí chi trả cho các tổ chức thực hiện đấu thầu, bảo lãnh, phát hành riêng lẻ, đăng ký, lưu ký, thanh toán, mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Các chi phí liên quan đến đợt phát hành và giao dịch trái phiếu quốc tế do ngân sách trung ương chi trả theo thỏa thuận, hợp đồng đã ký với các đối tác tham gia vào đợt phát hành và thông báo của các đại lý cung cấp dịch vụ.

Chương II

**PHÁT HÀNH VÀ GIAO DỊCH CÔNG CỤ NỢ CỦA CHÍNH PHỦ
TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**

Mục 1

PHÁT HÀNH VÀ GIAO DỊCH TÍN PHIẾU KHO BẠC

Điều 11. Điều kiện điều khoản của tín phiếu Kho bạc

1. Kỳ hạn tín phiếu Kho bạc:

a) Tín phiếu Kho bạc có kỳ hạn chuẩn là 13 tuần, 26 tuần hoặc 52 tuần;

b) Các kỳ hạn khác của tín phiếu kho bạc do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định tùy theo nhu cầu sử dụng vốn và tình hình thị trường nhưng không vượt quá 52 tuần.

2. Mệnh giá phát hành: tín phiếu Kho bạc có mệnh giá là một trăm nghìn (100.000) đồng hoặc là bội số của một trăm nghìn (100.000) đồng.

3. Đồng tiền phát hành, thanh toán là đồng Việt Nam.

4. Hình thức tín phiếu Kho bạc

a) Tín phiếu Kho bạc được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử tùy thuộc vào phương thức phát hành;

b) Chủ thể tổ chức phát hành quyết định cụ thể về hình thức đối với mỗi đợt phát hành.

5. Lãi suất phát hành:

a) Đối với tín phiếu Kho bạc phát hành theo phương thức đấu thầu, lãi suất phát hành do Kho bạc Nhà nước quyết định trong khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định.

b) Đối với tín phiếu Kho bạc phát hành trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, lãi suất phát hành là lãi suất thỏa thuận giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

6. Phương thức phát hành:

a) Đấu thầu phát hành tín phiếu Kho bạc theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 15 của Nghị định này.

Chủ thể tổ chức phát hành trực tiếp tổ chức đấu thầu phát hành tín phiếu Kho bạc hoặc tổ chức đấu thầu thông qua Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Phát hành trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

7. Phương thức thanh toán tín phiếu: Tín phiếu được thanh toán một lần cả gốc và lãi vào ngày đáo hạn.

Điều 12. Phát hành trực tiếp tín phiếu Kho bạc cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Trường hợp ngân sách trung ương thiếu hụt tạm thời, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng đề án phát hành tín phiếu Kho bạc trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. Đề án phát hành bao gồm các nội dung cơ bản sau: mục đích phát hành; khối lượng, kỳ hạn, hình thức tín phiếu; mệnh giá tín phiếu; lãi suất phát hành, thời điểm phát hành dự kiến; phương thức và nguồn thanh toán tín phiếu khi đáo hạn; đăng ký, lưu ký và niêm yết, giao dịch tín phiếu (nếu có).

2. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính thống nhất với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khối lượng, lãi suất, kỳ hạn cho từng đợt phát hành. Trường hợp ngày phát hành và ngày đáo hạn tín phiếu Kho bạc không cùng một năm ngân sách thì thực hiện theo quy định về tạm ứng từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật ngân sách nhà nước và Điều 26 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Lãi suất tín phiếu Kho bạc phát hành trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là lãi suất thỏa thuận giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trên cơ sở tham khảo lãi suất đấu thầu phát hành tín phiếu Kho bạc hoặc lãi suất tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc lãi suất giao dịch trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn còn lại tương đương tại thời điểm gần nhất.